

Số: ~~1354~~BC-SCT

Quảng Trị, ngày 24 tháng 11 năm 2016

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI
THÁNG 11 NĂM 2016

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại:

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:

1.1. Chỉ số, giá trị sản xuất công nghiệp:

Trong tháng 11/2016, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) chỉ tăng 0,27% so với tháng trước và tăng 15,53% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 27,65%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,12%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 30,42%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 18,3% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 11 tháng năm 2016, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 10,15% so với cùng kỳ năm 2015; Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,69%; công nghiệp khai khoáng tăng 2,37%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 6,04%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,52% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Trong tháng 11/2016, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng cao so với tháng cùng kỳ năm trước như: Ván ép tăng 232,56%; lốp xe các loại tăng 97,63%; tấm lợp pro xi măng tăng 53,18%; nước hoa quả, cam táo tăng 49,87%; điện sản xuất 41,25%; đá xây dựng tăng 35,96%; Quặng Ilmenite và tinh quặng Ilmenite tăng 29,03%; nước uống được tăng 19,08%; điện thương phẩm tăng 18,49%; vỏ bào, dăm gỗ tăng 10,23%. Một số sản phẩm duy trì mức tăng ổn định như: Bia dạng lon tăng 8,68%; sắn xe các loại tăng 8,47%; quặng zircon và tinh quặng zircon tăng 5,29%; gạch xây tăng 1,46%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm chững lại và giảm như: Dầu nhựa thông giảm 9,07%; colophan, axit nhựa cây giảm 14,24%; tinh bột sắn giảm 15,97%; xi măng Protland đen giảm 16,66%; gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 32,96%; phân bón NPK giảm 54,97% so với tháng cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu:

2.1 Lĩnh vực thương mại:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11/2016 ước đạt 1651,19 tỷ đồng, tăng 2,51% so với tháng trước và tăng 4,35% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 1373,54 tỷ đồng, tăng 2,97% so với tháng trước và tăng 4,61% so với tháng cùng kỳ năm trước; Phân theo loại hình kinh tế: Khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 108,27 tỷ đồng, giảm 0,29%; khu vực kinh tế cá thể ước đạt 733,0 tỷ đồng, tăng 4,17%; kinh tế tư nhân ước đạt 532,21 tỷ đồng, tăng 6,29% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 277,64 tỷ đồng, tăng 0,28% so với tháng trước và tăng 3,1% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo ngành kinh tế: Ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 194,86 tỷ đồng, tăng 2,52%; lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 0,82 tỷ đồng, tăng 2,34%; dịch vụ khác ước đạt 81,97 ty đồng, tăng 4,53% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 11 tháng đầu năm 2016, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 20.414,02 tỷ đồng, tăng 7,22% so với cùng kỳ năm trước, chỉ đạt 82,3% so với kế hoạch năm 2016.

2.2. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu:

2.2.1. Xuất khẩu:

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 11/2016 ước đạt 10,863 triệu USD, tăng 5,16% so với tháng trước và giảm 58,81% so với cùng kỳ năm trước. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu như: Gỗ; hàng rau quả; tinh bột sắn; phương tiện vận tải và phụ tùng.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá trong 11 tháng năm 2016 ước đạt 185,08 triệu USD, giảm 8,96% so với cùng kỳ năm trước và chỉ đạt 88,13% so với kế hoạch năm 2016.

2.2.2. Nhập khẩu:

Kim ngạch nhập khẩu tháng 11/2016 ước đạt 3,84 triệu USD, giảm 11,95% so với tháng trước và giảm 88,78% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung từ đầu năm đến nay, hoạt động nhập khẩu diễn ra khá trầm lắng, ước đạt 76,357 triệu USD, giảm 62,25% so với cùng kỳ năm trước, chỉ đạt 33,2% so với kế hoạch năm 2016.

3. Chỉ số giá tiêu dùng:

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2016 tăng 0,41% so với tháng trước; Trong đó, nhóm hàng giao thông tăng mạnh nhất (+1,46%); Tiếp đến nhóm hàng đồ uống thuốc lá tăng 0,92%; nhóm hàng may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,58%; nhóm hàng nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng tăng 0,52%; nhóm hàng thiết bị đồ dùng gia đình tăng 0,45%, các nhóm hàng còn lại không tăng, không giảm.

Nhìn chung, chỉ số giá tiêu dùng tháng 11/2016 tăng 6,53% so với tháng 12 năm trước và tăng 6,5% so với tháng cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 11 tháng đầu năm 2016, tăng 2,3% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Chuẩn bị nội dung và làm việc với Đoàn giám sát của Ban Nội chính Tỉnh ủy về tình hình thực hiện Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Làm việc với Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Chính về công tác chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Sở; Đoàn Thanh tra tỉnh về thanh tra các chương trình, dự án của Sở và Trung tâm Khuyến công & Xúc tiến thương mại.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị công bố Quyết định phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam; Hoàn chỉnh, trình thẩm định Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam đến năm 2035; Báo cáo tiến độ lập Quy hoạch Phân khu xây dựng Khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc Khu kinh tế Đông Nam.

- Chuẩn bị nội dung và tham gia Đoàn UBND tỉnh làm việc với Tổng cục Năng lượng - Bộ Công Thương về thủ tục dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị; Làm việc với Đoàn cán bộ Xúc tiến đầu tư - Bộ Kế hoạch & Đầu tư về tình hình đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị; Báo cáo tình hình thực hiện Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trị 1 và Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

- Tham mưu đề xuất các nội dung thuộc Chương trình công tác trọng tâm của Tỉnh ủy và UBND tỉnh năm 2017; Đề xuất UBND tỉnh đăng ký đề án vào Chương trình công tác của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ năm 2017; Đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2018 thuộc Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020; Xây dựng Chương trình xúc tiến đầu tư của ngành năm 2017;

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị thẩm định và trình HĐND tỉnh xem xét Đồ án Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh đến năm 2020; Đơn đốc tư vấn lập Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2025, hợp phần 1.

- Hoàn chỉnh và tổ chức lấy ý kiến đối với Dự thảo Báo cáo tổng kết và Đề tài “Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh”; Triển khai phân công nhiệm vụ và lập Đề tài Điều tra khảo sát, đánh giá nhu cầu vận chuyển tiêu thụ hàng hóa của các doanh nghiệp (các mặt hàng chủ yếu) và Đề tài đề xuất giải pháp phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Tổ chức Đoàn liên ngành kiểm tra về kỹ thuật an toàn công nghiệp, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm; Chuẩn bị nội dung tổ chức kiểm tra tình hình bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, thẩm định và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ các đề án khuyến công của tỉnh đợt 2, năm 2016; Rà soát, đánh giá tiến độ thực hiện các Đề án khuyến công quốc gia năm 2016; Làm việc với Cục Công

nghiệp địa phương (Bộ Công Thương) về kế hoạch triển khai hoạt động khuyến công quốc gia năm 2017. Bên cạnh đó, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo việc tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khuyến công và tăng cường năng lực Trung tâm khuyến công.

- Chủ trì, phối hợp tổ chức kiểm tra thực địa và họp thống nhất thỏa thuận vị trí Trạm biến áp và hướng tuyến đường dây 220kV Lao Bào -Đông Hà; Hướng dẫn và triển khai thực hiện Thông tư số 19/2016/TT-BCT ngày 14/9/2016 của Bộ Công Thương quy định về mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất bia và nước giải khát.

- Kiểm tra tiến độ thực hiện dự án điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị tại các huyện: Hướng Hóa, ĐaKrông, Vĩnh Linh và Triệu Phong; Tổ chức khảo sát thực địa về mở rộng dự án Nhà máy điện gió Hướng Phùng 2, dự án Nhà máy điện mặt trời trên địa bàn.

- Triển khai vận động các đơn vị hưởng ứng Chương trình nhận diện hàng Việt Nam năm 2016; Tổ chức Hội thảo về nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh; Chân chính việc thực hiện đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn.

- Báo cáo UBND tỉnh về giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị các hộ dân ở Tổ 6, khu phố 2, phường 1, thành phố Đông Hà về xây dựng cửa hàng xăng dầu; Làm việc với Bộ Công Thương về tình hình thực hiện Quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên tuyến Quốc lộ 1; Khảo sát địa điểm bổ sung quy hoạch đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu trên địa bàn huyện Cam Lộ.

- Tham gia Đoàn kiểm tra, đánh giá tình hình hải sản tồn kho không tiêu thụ tại các huyện ven biển trên địa bàn các huyện; Đoàn khảo sát xây dựng trung tâm đầu mối nông sản của tỉnh; Kiểm tra các doanh nghiệp được phân công về công tác dự trữ hàng hóa phòng bão năm 2016.

- Hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị gia hạn triển khai dự án tại Quảng Trị của Viện Mekong (Thái Lan); Báo cáo kết quả tham gia phiên đối thoại lần thứ nhất về tạo thuận lợi thúc đẩy thương mại qua biên giới giữa tỉnh Quảng Trị và tỉnh Savannakhet; Báo cáo tình hình triển khai công tác Hội nhập Quốc tế năm 2016.

- Tổng hợp phiếu đánh giá, hoàn chỉnh và trình thẩm định dự toán kinh phí Chương trình xúc tiến thương mại năm 2017; Chỉ đạo triển khai Đoàn tham gia Hội nghị Kết nối cung cầu và gian trưng bày thủy, hải sản tại Hà Nội; Kiểm tra, giám sát công tác tổ chức Hội chợ thương mại huyện Vĩnh Linh 2016; Kiểm tra hoạt động khuyến mại năm 2016.

- Tham mưu giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri trước Kỳ họp thứ 2, Quốc hội Khóa XIV theo yêu cầu của UBND tỉnh; Hoàn chỉnh và trình Thanh tra tỉnh tham gia ý kiến đối với Kế hoạch thanh tra năm 2017.

- Chuẩn bị nội dung và tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về hoạt động điện lực tại Điện lực huyện Triệu Phong.

- Triển khai xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá, phân loại công chức, viên chức và Quy chế đánh giá thẩm quyền quản lý của Sở Công Thương; Triển khai đánh giá, chấm điểm xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2016.

- Thành lập và triển khai Tổ kiểm tra công tác cải cách hành chính và Nhóm đánh giá chất lượng nội bộ của Sở năm 2016; Khảo sát mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về cung cấp dịch vụ công; Báo cáo tình hình thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 của Sở; Báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Báo cáo thực trạng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; Báo cáo tình hình duy trì áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 tại Sở.

III. Một số công tác trọng tâm tháng 12 năm 2016

- Phối hợp Viện Quy hoạch Đô thị Nông thôn Việt Nam hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

- Tiếp tục hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 và các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Đông Nam.

- Tổ chức Đoàn liên ngành kiểm tra tình hình vận chuyển, bảo quản và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Kiểm tra an toàn hóa chất tại các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn chỉnh Đề án Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp thứ 3, khóa VII.

- Hoàn thành Đề tài "Xây dựng mô hình ứng dụng KHHCN vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh"; Triển khai thực hiện các đề tài khoa học công nghệ được UBND tỉnh giao năm 2016.

- Tổ chức nghiệm thu các đề án khuyến công tỉnh và đề án khuyến công quốc gia năm 2016; Tổ chức Hội nghị về công tác phối hợp phát triển công nghiệp, làng nghề phục vụ công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện quản lý đầu tư xây dựng gói thầu số 2 thuộc Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2020.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Đoàn tham quan, học tập xây dựng các dự án điện gió, điện mặt trời tại các tỉnh phía Nam.

- Chỉ đạo các ngành, lực lượng tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; Tham mưu đề xuất phương án đảm bảo hàng hóa dự trữ phục vụ bình ổn giá dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017.

- Hoàn chỉnh dự thảo và trình UBND tỉnh ban hành Quy định chuyển đổi mô hình quản lý chợ trên địa bàn tỉnh; Quy chế phối hợp quản lý hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thành các Đề án thuộc Chương trình phát triển thương mại điện tử của tỉnh và quốc gia năm 2016; Khảo sát và thu thập số liệu xây dựng Đề án phát triển xuất khẩu hàng hóa.

- Tiếp tục hỗ trợ Viện Mekong triển khai dự án về đổi thoại thúc đẩy thương mại qua biên giới giữa Quảng Trị và Savannakhet.

- Ban hành Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2017; Xây dựng Dự thảo Kế hoạch phòng chống tham nhũng năm 2017.

- Hoàn thành báo cáo tự đánh giá, chấm điểm xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Sở năm 2016; Báo cáo tổng kết và tự chấm điểm thi đua năm 2016 của khối các cơ quan tham mưu tổng hợp; Hoàn thành Quy chế đánh giá và Bộ tiêu chí đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức thuộc Sở và triển khai thực hiện.

Chuẩn bị nội dung tổ chức tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2016 và triển khai nhiệm vụ kế hoạch của Sở và Ban chỉ đạo năm 2017.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 11 năm 2016 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 12 năm 2016; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Quân Chính;
- Sở CT các tỉnh Bắc Trung bộ, miền Trung và Tây Nguyên;
- Sở KH & ĐT;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng các huyện, thị, thành phố;
- GĐ, các PGĐ Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP. *vt*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC** *R*



Nguyễn Hữu Hưng

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;

- Kế hoạch (BCT)



Biểu số 01/SCT-BCT

Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

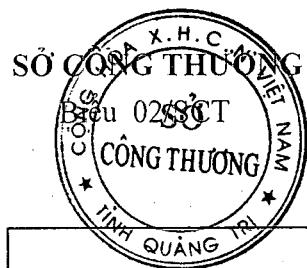
BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 11 năm 2015

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
1	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng Ilmenite và tinh quặng Ilmenite	Tấn	798,33	769,00	2845,33	596,00	8654,00	96,33%	129,03%	32,88%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	840	1074	6088	1020	6049	127,86%	105,29%	100,64%
3	Đá xây dựng	m ³	82552	85000	771054	62520	722364	102,97%	135,96%	106,74%
4	Tinh bột sắn	Tấn	10633,96	8490,57	89852,83	10103,77	76141,51	79,84%	84,03%	118,01%
5	Bia dạng lon	1000 lít	1300,60	1560,00	15386,97	1435,39	14025,48	119,94%	108,68%	109,71%
6	Nước hoa quả, cam táo	1000 lít	1033,92	920,00	10196,85	613,88	8588,80	88,98%	149,87%	118,72%
7	Gỗ cưa, gỗ xẻ	m ³	12050	12066	91610	17999	100724	100,13%	67,04%	90,95%
8	Vỏ bào, dăm gỗ	Tấn	15060	16050	177903	14560	144765	106,57%	110,23%	122,89%
9	Ván ép (gỗ MDF)	m ³	19326	20000	131042	6014	70005	103,49%	332,56%	187,19%
10	Dầu nhựa thông	Tấn	91,95	100,00	1286,60	111,08	1519,73	108,75%	90,03%	84,66%
11	Colophan, axit nhựa cây và các dẫn xuất	Tấn	455,05	500,00	6366,21	583,00	7184,83	109,88%	85,76%	88,61%
12	Phân bón NPK	Tấn	2829	3000	31450	5552	44065	106,04%	54,03%	71,37%
13	Lốp xe các loại	1000 cái	158,97	160,00	1491,99	80,96	1173,57	100,65%	197,63%	127,13%
14	Săm xe các loại	1000 cái	352,44	370,00	3910,29	341,10	3145,65	104,98%	108,47%	124,31%
15	Gạch xây	1000 viên	13797	12960	143962	12774	141914	93,93%	101,46%	101,44%
16	Xi măng Protland đen	Tấn	20917	21560	257868	25871	278202	103,07%	83,34%	92,69%
17	Tấm lợp pro xi măng	1000 m ²	630	680	5760	444	4335	108,04%	153,18%	132,85%
18	Điện sản xuất	Triệu Kwh	21,88	30,33	299,30	21,47	283,95	138,62%	141,25%	105,41%
19	Điện Thương phẩm	Triệu Kwh	48,80	48,90	499,89	41,27	442,42	100,20%	118,49%	112,99%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
20	Nước uống được	1000 m ³	1039,00	1040,00	10774,83	873,34	10219,39	100,10%	119,08%	105,44%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	1610,77	1651,19	20414,02	1582,30	19038,99	102,51%	104,35%	107,22%
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	1333,92	1373,54	17488,23	1313,01	16213,83	102,97%	104,61%	107,86%
	Phân theo loại hình kinh tế	Tỷ đồng								
1.1	Kinh tế Nhà nước	"	105,45	108,27	1143,31	108,58	1085,97	102,68%	99,71%	105,28%
1.2	Kinh tế Tập thể	"	0,07	0,07	0,82	0,06	0,78	89,04%	108,67%	104,83%
1.3	Kinh tế Cá thể	"	710,73	733,00	10032,89	703,65	9360,78	103,13%	104,17%	107,18%
1.4	Kinh tế Tư nhân	"	517,67	532,21	6311,22	500,72	5766,30	102,81%	106,29%	109,45%
1.5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		276,86	277,64	2925,79	269,28	2825,16	100,28%	103,10%	103,56%
2.1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	195,21	195,67	2077,62	190,87	2024,78	100,24%	102,52%	102,61%
	Dịch vụ lưu trú & ăn uống		194,28	194,86	2048,50	190,07	1996,26	100,30%	102,52%	102,62%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	0,93	0,82	29,13	0,80	28,51	87,96%	102,34%	102,14%
2.2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	81,65	81,97	848,17	78,42	800,39	100,39%	104,53%	105,97%
III	Xuất khẩu (KH năm: 210 triệu USD)	1000 USD	10,33	10,863	185,08	26,372	203,31	105,16%	41,19%	91,04%
	Phân theo loại hình kinh tế									
1.1	Kinh tế Nhà nước		2,175	3,226	76,667	3,107	25,246	148,32%	103,83%	303,68%
1.2	Kinh tế Tư nhân		6,732	4,937	98,818	21,833	168,82	73,34%	22,61%	58,53%
1.3	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài		1,423	2,7	9,595	1,432	9,24	189,74%	188,55%	103,89%
	Phân theo mặt hàng chủ yếu	"								
1	Hàng thủy sản		-	-	-	0,2	1,541	-	-	-
2	Hàng rau quả	"	2,450	2,300	40,008	7,450	59,095	93,88%	30,87%	67,70%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
3	Cà phê	"	-	-	2,814	0,450	2,159	-	-	130,34%
4	Gạo	"	-	-	-	0,201	2,072	-	-	-
5	Sắn và các sản phẩm từ sắn	"	0,886	1,026	17,620	2,441	17,936	115,80%	42,03%	98,24%
6	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	"	0,023	0,034	5,995	0,383	7,285	147,83%	8,88%	82,29%
7	Quặng và khoáng sản khác	"	0,123	0,123	0,246	-	2,298	100,00%	-	10,70%
8	Phân bón các loại	"	0,191	0,149	2,330	0,096	2,363	78,01%	155,21%	98,60%
9	Sản phẩm từ chất dẻo	"	1,942	2,000	12,633	0,541	11,174	102,99%	369,69%	113,06%
10	Cao su	"	1,468	1,131	5,553	1,830	10,709	77,04%	61,80%	51,85%
11	Gỗ	"	3,543	3,551	83,551	11,403	71,575	100,23%	31,14%	116,73%
12	Sắt thép	"	0,049	0,052	2,034	0,082	2,914	106,12%	63,41%	69,80%
13	Phương tiện vận tải và phụ tùng	"	0,609	1,880	7,961	0,532	7,986	308,70%	353,38%	99,69%
14	Điện	"	0,200	0,200	2,890	0,400	2,533	100,00%	50,00%	114,09%
15	Hàng hóa khác	"	0,676	0,419	13,481	0,363	1,586	61,98%	115,43%	850,00%
IV	Nhập khẩu (KH năm:230 triệu USD)	1000 USD	4,361	3,84	76,357	34,227	202,285	88,05%	11,22%	37,75%
	<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>	"								
1	Kinh tế Nhà nước	"	0,334	0,37	3,82	0,342	3,29	110,78%	108,19%	116,01%
2	Kinh tế tư nhân	"	3,126	3,1	67,989	33,745	194,60	99,17%	9,19%	34,94%
3	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	"	0,901	0,37	4,549	0,14	4,39	41,07%	264,29%	103,55%
	<i>Phân theo mặt hàng chủ yếu</i>	"								
1	Sữa và các sản phẩm từ sữa	"	-	-	-	0,183	2,68	-	-	-
2	Hàng rau	"	2,356	2,332	40,225	7,397	60,829	98,98%	31,53%	66,13%
3	Cleanhke	"	0,017	0,009	0,196	0,007	0,1	52,94%	128,57%	196,00%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
4	Chất dẻo (Plastic) nguyên liệu	"	0,019	0,02	0,455	0,063	1,69	105,26%	31,75%	26,92%
5	Cao su	"	-	-	-	-	1,723	-	-	-
6	Gỗ và các sản phẩm từ gỗ	"	-	-	20,07	25,908	127,747	-	-	15,71%
7	Kim loại thường	"	-	-	-	-	0,872	-	-	-
8	Hàng hóa khác	"	1,969	1,479	15,043	0,669	5,478	75,11%	221,08%	274,61%



CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
Tháng 11/2016

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 10/2016		Tháng 11/2016			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 11/2016 so với tháng 11/2015
	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 10 năm 2015	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 10/2016	So với tháng 11/2015	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	215,12	109,04	211,56	100,27	115,53	110,15
1. Công nghiệp khai khoáng	51,36	126,95	47,46	91,95	127,65	102,37
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	257,10	112,72	251,26	97,84	112,12	111,69
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	50,26	70,70	61,99	123,56	130,42	106,04
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	152,01	106,81	152,34	100,22	118,30	105,52